

Bản án số: 203/2017/HSPT

Ngày 23 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Bà Lê Hồng Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Minh – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2017/HSPT ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Viết C;

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2017/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Viết C, sinh năm 1962 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Khu T, ấp L, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/10; con ông Nguyễn Viết H (đã chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1933; có vợ tên Xòm M, sinh năm 1965; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 12 ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết C: Ông Phan Thiên V, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phan Thiên V, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Đường N, Khu phố A, phường E, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Khu R, ấp L, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường C, Phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Đường N, Ấp G, xã A, huyện M, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1971; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường C, Phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Đường N, Ấp G, xã A, huyện M, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn C: Ông Giang Ái C, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phước A - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường K, ấp S, xã Đ, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

- Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết C có mối quan hệ là bạn bè cùng đi bộ đội với ông Trần Văn C. Ngày 06/9/2004, ông Trần Văn C được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận*) số: AA 090799 cho thửa đất số 441 và 451, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện H (nay thuộc thành phố B) có diện tích đất 16.306m². Năm 2005, ông Trần Văn C cùng ông Phạm T, sinh năm 1940 (bố vợ ông Trần Văn C) và ông Lê Trung T, sinh năm 1960, ngụ tại: Phường Ê, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cùng đầu tư góp vốn để phân lô, sang nhượng nền số diện tích đất trên. Ông Trần Văn C giao cho bị cáo Nguyễn Viết C tìm khách có nhu cầu nhận sang nhượng đất và được hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo Nguyễn Viết C đã giới thiệu cho ông Trần Văn C sang nhượng được khoảng 05 lô đất.

Khoảng tháng 11 năm 2006, ông Nguyễn Ngọc S gặp bị cáo Nguyễn Viết C hỏi nhận sang nhượng đất, Nguyễn Viết C giới thiệu để ông Nguyễn Ngọc S nhận sang nhượng lô đất diện tích 270m², thuộc lô 17, 18 và một phần lô 19 trên sơ đồ vị trí lô đất đã phân lô (nằm trong thửa 441, 451, tờ bản đồ số 03). Bị cáo Nguyễn Viết C nói dối với ông Nguyễn Ngọc S là nguồn gốc thửa đất trên là của bị cáo nhận sang nhượng chung với ông Trần Văn C nhưng để cho ông Trần Văn C đứng tên trên Giấy chứng nhận và ông Trần Văn C đã ủy quyền cho bị cáo Nguyễn Viết C được toàn quyền giao dịch mua bán, chuyển nhượng đất mà không cần có mặt của ông Trần Văn C. Tưởng thật, ông Nguyễn Ngọc S đã đồng ý nhận sang nhượng diện tích đất trên với giá 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 23/11/2006, bị cáo Nguyễn Viết C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tự ký tên của vợ chồng ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Thanh N vào mục người chuyển nhượng; bị cáo Nguyễn Viết C đến nhà ông Nguyễn Ngọc S và nói: *“vợ chồng ông Trần Văn C, bà Phạm Thị Thanh N đã ký rồi”* và kêu ông Nguyễn Ngọc S ký vào mục người nhận sang nhượng. Sau khi ông Nguyễn Ngọc S ký tên xong, bị cáo Nguyễn Viết C đem hợp đồng đến Ủy ban nhân dân xã P và được chứng thực việc sang nhượng đất. Sau khi sang nhượng đất xong một thời gian (không nhớ cụ thể), bị cáo Nguyễn Viết C giao bản chính Giấy chứng nhận nêu trên cho ông Nguyễn Ngọc S. Đến tháng 01 năm 2016, ông Nguyễn Ngọc S gặp ông Trần Văn C hỏi thăm thì được ông Trần Văn C cho biết là bị mất Giấy chứng nhận nêu trên và ông Trần Văn C nói không sang nhượng diện tích đất 270m² cho ông Nguyễn Ngọc S. Sau đó, ông Nguyễn Ngọc S đã làm đơn tố cáo Nguyễn Viết C đến Công an thành phố Biên Hòa. Ngày 15/11/2016, Nguyễn Viết C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố bị can để điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm: 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/11/2006 do ông Nguyễn Ngọc S giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số: 381/KLGD ngày 17/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Trần Văn C trên các tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu là A1, A2) với chữ ký mang tên Trần Văn C tương ứng ở phần mẫu so sánh (chữ ký của ông Trần Văn C) không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Phạm Thị Thanh N trên tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu A2) với chữ ký mang tên Phạm Thị

Thanh N tương ứng ở phần mẫu so sánh (chữ ký của bà Phạm Thị Thanh N) (được phòng PC54 ghi đóng dấu ký hiệu từ M1, M4) không phải do một người ký ra.

3. Chữ viết trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chữ viết mang tên Trần Văn C tại phần mục người viết đơn trên Đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu A1, A2) với các chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (chữ viết của Nguyễn Viết C) (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu M5, M6) do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết trên Đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất (loại trừ chữ viết mang tên Trần Văn C tại phần mục người viết đơn) tài liệu nêu ở phần mẫu giám định (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu A2) với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được phòng PC54 đóng dấu ký hiệu M5, M6) không phải do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Viết C thừa nhận đã giả chữ ký của vợ chồng ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Thanh N trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/11/2006; bị cáo cho rằng việc này đã được sự đồng ý của ông Trần Văn C. Giấy chứng nhận Nguyễn Viết C đưa cho ông Nguyễn Ngọc S là do Nguyễn Viết C nhặt được tại xã A, huyện M, tỉnh Đồng Nai (do Nguyễn Viết C không nói cho ông Nguyễn Ngọc S biết vì sợ ông Nguyễn Ngọc S không nhận sang nhượng đất). Sau khi nhận 67.500.000 đồng từ ông Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Viết C đã giao lại số tiền trên cho ông Trần Văn C nhưng không viết giấy biên nhận. Tuy nhiên, vợ chồng ông Trần Văn C không thừa nhận, ngoài ra không còn căn cứ nào khác để xác định lời khai của Nguyễn Viết C là có cơ sở.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu Nguyễn Viết C bồi thường số tiền 67.500.000 đồng. Hiện bị cáo Nguyễn Viết C chưa bồi thường.

Đối với Trần Thanh B là Cán bộ Tư pháp xã đã tham mưu cho ông Nguyễn Văn P là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên không đúng theo quy định pháp luật (không có mặt hai bên chuyển nhượng). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố B kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT/VKS-HS ngày 09/01/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Viết C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139, Khoản 2, Điểm e của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2017/HSST ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết C phạm

tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điểm e, Khoản 2, Điều 139 và Khoản 2, Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C 02 (hai) năm tù. Bị cáo Nguyễn Viết C phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc S 67.500.000 đồng. Trả cho ông Trần Văn C bản chính Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của Ủy ban nhân dân huyện H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 15/3/2017, bị cáo Nguyễn Viết C có đơn kháng cáo cho rằng mình bị oan.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia vào vụ án, có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết C do ông Phan Thiên V trình bày: Ông Trần Văn C góp vốn cùng với nhiều người khác để phân lô, sang nhượng nền đất; mở văn phòng giao dịch ngay trên đất và giao cho bị cáo Nguyễn Viết C quản lý, giao dịch với khách hàng; đồng thời, ông Trần Văn C còn giao cho bị cáo Nguyễn Viết C bản chính chứng minh nhân dân, hộ khẩu và Giấy chứng nhận để thuận tiện làm thủ tục sang nhượng đất. Ông Nguyễn Ngọc S cùng với vợ đã nhận đất, cắm cọc ranh ghi rõ tên ông Nguyễn Ngọc S và đã sử dụng đất 10 năm. Trong khi đó, ông Trần Văn C thường xuyên qua lại trên đất để giao dịch nên không thể nói là ông Trần Văn C không biết. Khi Ủy ban nhân dân xã P mời các bên đến để hòa giải, nếu như ông Trần Văn C không liên quan thì sẽ không cử người đi thương lượng; đồng thời, ông Nguyễn Ngọc S cũng sẽ không đưa ra yêu cầu ông Trần Văn C trả lại 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trả lại Giấy chứng nhận. Việc ông Trần Văn C làm đơn tố cáo ông Nguyễn Ngọc S đến đơn vị ông Nguyễn Ngọc S công tác thể hiện sự mâu thuẫn giữa hai bên, hậu quả bị cáo Nguyễn Viết C phải đứng trước phiên tòa hôm nay với sự oan ức. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án để có quyết định phù hợp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn C do ông Giang Ái C trình bày: Cấp sơ thẩm xác định Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của Ủy ban nhân dân huyện H là vật chứng là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho

ông Trần Văn C Giấy chứng nhận bản chính và quyết định số 530 nêu trên để ông Trần Văn C nhận tiền bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại và người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

XÉT THẤY:

1. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Viết C không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng việc giả chữ ký của vợ chồng ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Thanh N trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/11/2006 là được sự đồng ý của ông Trần Văn C qua điện thoại; tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Ngọc S, bị cáo đã giao lại hết cho ông Trần Văn C. Do đó, bị cáo kháng cáo, cho rằng mình không phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; cấp sơ thẩm đã xét xử oan bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Viết C vẫn giữ nguyên kháng cáo.

2. Về chứng cứ:

- Theo hồ sơ và nội dung bản án sơ thẩm thể hiện diện tích đất mà bị cáo Nguyễn Viết C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc S là tài sản chung, có phần đầu tư góp vốn giữa ông Trần Văn C – bà Phạm Thị Thanh N, ông Phạm T và ông Lê Trung T. Các bản khai ông Trần Văn C và ông Phạm T đều xác nhận việc này. Ngoài ra, ông Trần Văn C còn khai rằng phần đất trên ông đã sang nhượng cho người khác là ông Nguyễn Văn L (bút lục số 41). Tuy nhiên, hồ sơ chưa có lời khai của ông Lê Trung T và ông Nguyễn Văn L là điều tra chưa đầy đủ.

- Về lời khai mâu thuẫn chưa được làm rõ:

+ Bút lục số 38 ông Trần Văn C khai: *“Từ trước đến nay, tôi có nhờ ông Nguyễn Viết C là người môi giới bán cho tôi khoảng 06 thửa đất ở B, ông Nguyễn Viết C có trách nhiệm tìm người mua đất và thỏa thuận về giá cả”*. Tuy nhiên, tại bút lục số 40 ông Trần Văn C lại khai việc thỏa thuận giá sang nhượng đất do ông Trần Văn C trực tiếp gặp người muốn nhận chuyển nhượng.

+ Trong khi đó, bị cáo Nguyễn Viết C lại khai rằng trách nhiệm của bị cáo là gặp người cần nhận chuyển nhượng, thỏa thuận giá cả, nhận tiền cọc, nhận tiền sang nhượng sau đó giao tiền lại cho ông Trần Văn C. Ngoài ra, lời khai của bị cáo

Nguyễn Viết C cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng Lê Đức P về quy trình sang nhượng đất dùm ông Trần Văn C và ông Lê Trung T (bút lục số 49), thể hiện ông Lê Đức P cũng là người được ông Trần Văn C và ông Lê Trung T giao cho sang nhượng các lô đất khác.

+ Ông Trần Văn C cho rằng bị cáo Nguyễn Viết C chỉ là người môi giới. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Viết C lại khai rằng được ông Trần Văn C giao bản chính: Giấy chứng nhận, chứng minh nhân dân, hộ khẩu và hợp đồng chuyển nhượng đã có chữ ký sẵn của hai vợ chồng ông Trần Văn C – bà Phạm Thị Thanh N. Từ những tài liệu này, bị cáo Nguyễn Viết C mới có thể đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục chuyển nhượng, sau đó đưa tiền về cho ông Trần Văn C. Do chỗ bạn bè trước đây là bộ đội, cùng chiến đấu nên khi giao tiền không làm biên nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc S cũng trình bày khi giao kết hợp đồng bị cáo Nguyễn Viết C có đưa cho ông Nguyễn Ngọc S xem bản chính các giấy tờ mà bị cáo Nguyễn Viết C trình bày ở trên.

Những vấn đề nêu trên là mâu thuẫn nhưng chưa được đối chất làm rõ, vi phạm quy định tại Điều 138 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của những người trước đây đã nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn C thông qua bị cáo Nguyễn Viết C; để xác định quy trình sang nhượng đất có đúng như bị cáo Nguyễn Viết C và người làm chứng Lê Đức P khai ra hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Viết C còn khai rằng trong số những người bị cáo Nguyễn Viết C sang nhượng đất dùm ông Trần Văn C, bị cáo Nguyễn Viết C có ký tên thay ông Trần Văn C tương tự như trường hợp của ông Nguyễn Ngọc S. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này là điều tra chưa đầy đủ.

- Bị cáo Nguyễn Viết C cho rằng phần đất sang nhượng cho ông Nguyễn Ngọc S đã bị giải tỏa theo quy hoạch và ông Trần Văn C đã nhận tiền bồi thường (bút lục số 79). Ông Trần Văn B là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P khẳng định đất các bên tranh chấp hiện nay thuộc quy hoạch của Khu Công nghiệp I, ông Trần Văn C đã nhận tiền bồi thường, ông Nguyễn Ngọc S không được bồi thường (bút lục số 53). Vấn đề này cần phải được điều tra, làm rõ để làm sáng tỏ vụ án và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người cùng góp vốn (ông Phạm T và ông Lê Trung T) hoặc người đã nhận sang nhượng đất (ông Nguyễn Văn L) với ông Trần Văn C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Viết C cho rằng Giấy chứng nhận và sơ đồ phân lô bản chính là do ông Trần Văn C đưa cho bị cáo giữ để giao dịch thay cho ông Trần Văn C – bà Phạm Thị Thanh N. Sau khi sang nhượng đất cho

ông Nguyễn Ngọc S xong vào năm 2006 thì đến năm 2008 giữa bị cáo Nguyễn Viết C với ông Trần Văn C có sự mâu thuẫn, không làm ăn chung và gặp nhau nữa. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải thích cho bị cáo rằng ông Trần Văn C làm đơn tố cáo về việc bị mất trộm Giấy chứng nhận, hướng dẫn bị cáo khai là nhất được nếu không sẽ bị xử lý hình sự; do đó, bị cáo mới khai rằng nhất được Giấy chứng nhận, sự thật là ông Trần Văn C đưa bản chính Giấy chứng nhận cho bị cáo giữ.

Về vấn đề này cũng phải được điều tra làm rõ; bởi lẽ: Ông Nguyễn Ngọc S khai được nhận bản chính Giấy chứng nhận vào năm 2006 (bút lục số 58): *“khoảng 02 tháng sau ông Trần Văn C (Nguyễn Viết C) đưa cho tôi bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn C, bà Phạm Thị Thanh N đứng tên”*, bị cáo Nguyễn Viết C lại khai nhất được Giấy chứng nhận vào năm 2008 (bút lục số 89) là rất mâu thuẫn. Tuy nhiên, biên bản đối chất giữa bị cáo Nguyễn Viết C với ông Nguyễn Ngọc S (bút lục số 69) không có nội dung này.

- Ngoài ra, cần phải làm rõ các vấn đề sau đây:

+ Trong khoảng thời gian 10 năm sau khi ông Nguyễn Ngọc S nhận sang nhượng đất; ông Trần Văn C còn sang nhượng cho ai khác các lô đất gần đất tranh chấp hay không? Tại sao ông Trần Văn C không có ý kiến gì về việc bản đồ phân lô bản chính đã ghi tên ông Nguyễn Ngọc S các lô 17, 18 và một phần lô 19 (bút lục số 91)?

+ Tại sao hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được chứng thực, ông Nguyễn Ngọc S được giữ Giấy chứng nhận bản chính nhưng suốt thời gian dài nhưng không tiến hành thủ tục sang tên, đăng bộ theo quy định; trong khi đó, Điều 3 hợp đồng có ghi rõ trách nhiệm này là của ông Nguyễn Ngọc S?

+ Giấy chứng nhận bản chính đã được bị cáo Nguyễn Viết C giao cho ông Nguyễn Ngọc S vào năm 2006, tại sao đến năm 2008 ông Trần Văn C mới làm đơn có mất Giấy chứng nhận (bút lục số 30)?

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Viết C và ông Nguyễn Ngọc S đều trình bày ông Trần Văn C từng làm đơn khiếu nại về việc ông Nguyễn Ngọc S giữ Giấy chứng nhận gửi đến nơi công tác của ông Nguyễn Ngọc S; điều này thể hiện giữa ông Nguyễn Ngọc S và ông Trần Văn C có sự mâu thuẫn. Cần phải điều tra để xác định đơn này được lập vào thời gian nào với nội dung và mục đích gì? Mâu thuẫn giữa ông Trần Văn C với ông Nguyễn Ngọc S như thế nào và có liên quan đến bị cáo Nguyễn Viết C hay không?

3. Về tố tụng:

- Diện tích đất nêu trên là tài sản chung, có phần đầu tư góp vốn giữa ông Trần Văn C – bà Phạm Thị Thanh N, ông Phạm T và ông Lê Trung T. Ngoài ra, ông Trần Văn C còn khai rằng phần đất trên ông đã sang nhượng cho người khác là ông Nguyễn Văn L (bút lục số 41). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa những người trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo quyền lợi của họ.

- Theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định về các vấn đề tại phiên tòa phải được Hội đồng xét xử cùng thảo luận và thông qua. Tuy nhiên, Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2017/QĐST-HS ngày 23/02/2017 (bút lục số 134) chỉ do cá nhân Thẩm phán ký ban hành là không đúng với quy định nêu trên.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử cho rằng đã triệu tập hợp lệ người làm chứng là ông Lê Đức P (bút lục số 153). Tuy nhiên, trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Biên bản phiên tòa đều không có tên ông Lê Đức P, vi phạm quy định tại Khoản 9, Điều 178 của Bộ luật Tố tụng hình sự và mẫu Biên bản phiên tòa được ban hành kèm theo Nghị quyết số: 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Ông Giang Ái C là người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn C và được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa cấp Giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi cho đương sự (bút lục số 115), ông Giang Ái C không phải là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Chủ tọa phiên tòa cho rằng ông Giang Ái C là người đại diện cho ông Trần Văn C, đặt câu hỏi cho ông Giang Ái C và để ông Giang Ái C trả lời thay cho ông Trần Văn C về nội dung vụ án là không đúng tố tụng (bút lục số 154), vi phạm tố tụng về xác định tư cách tham gia tố tụng và thủ tục xét hỏi quy định tại Chương XX của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã không cho bị cáo được nói lời sau cùng (bút lục số 159), vi phạm quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bản án hình sự sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí nhưng không áp dụng pháp luật về án phí là chưa đầy đủ.

- Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Trong sự việc giữa các bên có lỗi của ông Nguyễn Ngọc S trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như:

Không gặp trực tiếp người đứng tên trên Giấy chứng nhận, không chứng kiến chủ sử dụng đất ký tên trên hợp đồng, không đến cơ quan có thẩm quyền chứng thực để ký hợp đồng, không tiến hành thủ tục sang tên chủ sử dụng đất theo quy định. Ngoài ra, sẽ không có việc ông Nguyễn Ngọc S đưa tiền cho bị cáo Nguyễn Viết C nếu như Ủy ban nhân dân xã P thực hiện đúng các quy định của pháp luật về chứng thực hợp đồng. Vì vậy, để có đủ căn cứ xác lập trách nhiệm hình sự trong vụ án, việc xác định hành vi, yếu tố lỗi, nguyên nhân và hậu quả của hành vi đó, tất cả các tình tiết liên quan phải được tiến hành điều tra, xem xét thận trọng và đầy đủ như đã nêu trên.

Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; đồng thời, cấp sơ thẩm cũng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật. Do đó, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra lại theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

5. Đối với phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Viết C và người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn C sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điểm c, Khoản 2, Điều 248 và Điều 250 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2017/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Viết C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Vp và Tp (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành